

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2020/DS-PT

Ngày 26 – 8 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1956 (có mặt).

Cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Thanh Thuận là Luật sư văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Mạc Văn B, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:* Bà làm chủ hội ở địa phương, ngày 25/4/2013 âm lịch, bà có mở dây hội loại 10.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, hội này có 24 chung, bà Trần Thị D và ông Mạc Văn B tham gia 02 chung nhưng chỉ đóng chung thứ nhất. Đến ngày 25/5/2013al, bà D và ông B hốt chung thứ nhất (có làm biên nhận), được số tiền khoảng 142.000.000 đồng, bà D và ông B đóng được 01 kỳ hội sống của chung thứ 2, số tiền 6.190.000 đồng, bà D và ông B đóng tiếp theo được 05 kỳ hội chết chung thứ nhất, số tiền 50.000.000 đồng và 06 kỳ hội sống của chung thứ hai, số tiền 42.090.000 đồng (trong quá trình đóng hội bà D và ông B nợ bà 21.400.000 đồng) đối trừ còn lại 20.690.000 đồng, trừ số tiền hội chết chung thứ nhất 170.000.000 đồng – 20.690.000 đồng = 149.310.000 đồng. Ngày 16/6/2017al, bà D và ông B có làm biên nhận, còn nợ lại bà T số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra ngày 21/6/2013, bà D có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông B và bà D trả cho bà tổng số tiền 160.000.000 đồng (trong đó tiền nợ hội 150.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng).

- *Bà Trần Thị D trình bày:* Bà thống nhất số tiền vay 10.000.000 đồng và đồng ý trả. Đối với phần hội: Bà thống nhất có tham gia chơi hội của bà T trong dây hội ngày 25/4/2013al; bà chỉ thừa nhận có tham gia 01 chung và hốt hội vào ngày 25/5/2013al, bà và ông B có làm biên nhận đúng như bà T trình bày. Nhưng khi hốt hội bà giao số tiền trên cho bà Nguyễn Hồng Loan và bà Loan đưa tiền cho bà đóng hội chết được 05 kỳ, số tiền 50.000.000 đồng và 01 chung hội sống của bà Loan tham gia. Sau đó bà Loan giao lại 02 chung hội này cho bà, bà tiếp tục đóng hội chết cho bà T được 5 kỳ hội chết chung thứ nhất và 5 kỳ hội sống chung thứ 02, số tiền 83.000.000 đồng (Đưa 03 lần nhưng không có làm biên nhận). Bà thừa nhận biên nhận ngày 16/6/2017 giữa bà với ông B và bà T xác nhận. Nhưng do thời điểm đó bà chưa đối chiếu lại số tiền đã đóng 83.000.000 đồng. Nay bà đồng ý đối trừ số tiền 83.000.000 đồng còn lại số tiền 67.000.000 đồng bà đồng ý trả và tiền vay 10.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà T. Tổng số tiền 77.000.000 đồng.

- *Ông Mạc Văn B trình bày:* Ông thống nhất nội dung trình bày của bà D. Ông thừa nhận có làm biên nhận nợ ngày 16/6/2017, từ đó đến nay ông không có thanh toán khoản nào cho bà T. Ông cũng thống nhất khoảng tiền vay 10.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Buộc ông Mạc Văn B và bà Trần Thị D trả cho bà Võ Thị T, tổng số tiền 160.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/7/2020, bà Trần Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận bà còn nợ bà T số tiền 77.000.000 đồng.

Phản tranh luận tại phiên toà: Bà Trần Thị D thừa nhận có ký biên nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng nhưng chưa trừ ra số tiền đã trả trước đó là 83.000.000 đồng nên yêu cầu từ số tiền đã trả ra, số còn lại bà đồng ý trả.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn xác định: việc bị đơn xác định đã trả số tiền 83.000.000 đồng là không có căn cứ, vì sau khi đối trừ tất cả các khoản tiền đã trả thì hai bên mới viết biên nhận nợ. Bị đơn kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Nội dung vụ án bị đơn thừa nhận biên nhận nợ do bị đơn ký tên nhưng bị đơn cho rằng chưa đối trừ số tiền đã trả là 83.000.000 đồng. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị D kháng cáo xác định bà chỉ nợ bà T số tiền 67.000.000 đồng tiền hụi và 10.000.000 đồng tiền vay nhưng án sơ thẩm buộc bà trả cho bà T tổng số tiền là 160.000.000 đồng bà không đồng ý. Xét đơn kháng cáo của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Giao dịch hụi giữa bà T và bà D là thực tế có diễn ra được các bên đều thừa nhận. Các đương sự thống nhất nhau: bà T là chủ hụi, bà D tham gia 02 chân hụi, loại hụi 10.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà D có nhận tiền và viết biên nhận cho bà T. Sau khi hốt chân thứ nhất ngày 25/5/2013 âl, còn lại một chân hụi sống. Đến năm 2017 hai bên đối trừ số tiền hụi sống và hụi chết để viết lại biên nhận nợ là 150.000.000 đồng.

[3] Tuy nhiên bà D yêu cầu đối trừ số tiền bà D đóng hụi cho bà T 03 lần là 83.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm bà D cung cấp xác nhận của hai người có thấy việc bà D đóng tiền hụi cho bà T là bà Nguyễn Thị Lan và bà Trương Thị Đàm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lan và bà Đàm xác định có thấy bà D trả tiền cho bà T hai lần là 73.000.000 đồng, ngoài ra không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới. Xét thấy việc xác nhận và lời trình bày của bà Lan và bà Đàm thời điểm nhìn thấy bà D trả tiền cho bà T là vào năm 2014, trước khi bà D viết biên nhận cho bà T về việc thiếu bà T số tiền 150.000.000 đồng. Theo bà D lý giải là khi bà ký biên nhận xác định số tiền còn nợ sau đó bà mới nhớ là đã đóng hụi cho bà T 3 lần là 83.000.000 đồng mà chưa đối trừ vào biên nhận, nhưng bà T không thừa nhận có nhận số tiền 83.000.000 đồng. Ngoài ra bà D, ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà có đóng hụi cho bà T số tiền 83.000.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D.

[4] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Do bà Trần Thị D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Buộc ông Mạc Văn B và bà Trần Thị D trả cho bà Võ Thị T, tổng số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Võ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mạc Văn B và bà Trần Thị D không thi hành xong khoản tiền trên, ông Mạc Văn B và bà Trần Thị D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn được miễn toàn bộ án phí theo quy định

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị D được miễn toàn bộ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào

